

Bản án số: 68/2025/HS - ST
Ngày: 31 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Thẩm phán: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Quyền

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Ông Nguyễn Trọng Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2025/HSST ngày 23/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST - HS ngày 18/3/2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn T - sinh ngày 09/6/1986.

Nơi thường trú: thị trấn N, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: xã N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Hà Thị N (đã chết); có vợ là Lang Thị X, sinh năm 1982 và chưa có con chung; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2024, đến ngày 14/9/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Hoàng Thị Bích Ái - Là luật sư thuộc Công ty Luật Năm Châu, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

*** Bị hại:** Cháu Lang Thị N - sinh ngày 21/9/2001 (Có mặt).

Nơi thường trú: xã L, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: xã S, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

*** Người đại diện hợp pháp cho bị hại:** Bà Lang Thị X - sinh năm 1982 (Mẹ đẻ) (Vắng mặt).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:** Bà Lê Thu Hằng - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ đến 22 giờ ngày 20/6/2010; Phạm Văn T sau khi đi uống rượu về nhà thấy cháu N, sinh ngày 21/9/2001 (con riêng của chị Lang Thị X là vợ T) đang nằm trên giường chuẩn bị đi ngủ; T nảy sinh ý định quan hệ tình dục với cháu N. T lại gần nằm đè lên người cháu N, dùng tay vuốt ve vào người, sờ vào vú, âm hộ của cháu N, dùng miệng hôn vào mặt, cổ cháu N. Sau đó T dùng tay tụt quần của cháu N và cởi quần của T ra để quan hệ tình dục. T dùng tay kéo dương chân cháu N ra và đút dương vật vào âm hộ của N, cháu N không đồng ý và la lên "bà ơi".. "bà ơi", mục đích để gọi ông bà nội (bố mẹ đẻ của T) ở nhà bên cạnh. T nói với cháu N là “để cho bố chơi một tí” nhưng cháu N không đồng ý và tiếp tục la lên nên T dùng tay đánh, tát vào mặt cháu N và nói: “Mày im đi, không người ta nghe hết bây giờ”. T dùng tay bịt miệng cháu N không cho cho kêu la. Do sợ bị hàng xóm phát hiện nên T bế cháu N ra vườn mía phía sau nhà, cách nhà ở khoảng 40m (khi bế cháu N, T kéo quần đùi của T mặc lại, còn cháu N đang cởi chuồng); khi ra đến vườn mía, T đặt cháu N nằm xuống đất rồi nói “nằm im để bố làm xịu rồi thôi”. Cháu N sợ nên không phản ứng gì, T cởi quần của mình ra rồi cho dương vật đang cương cứng của mình vào âm hộ của cháu N để quan hệ tình dục, khoảng vài phút thì xuất tinh vào trong âm hộ của cháu N. Quan hệ tình dục xong, T bế cháu N về nhà. Thấy âm hộ của cháu N ra nhiều máu nên T múc nước cho cháu N rửa, thay quần áo rồi cả T và cháu N đi ngủ. Sáng ngày 21/6/2010, T ngủ dậy thấy đũng quần của cháu N có máu nên kéo quần của cháu N ra kiểm tra và thấy máu vẫn rỉ ra từ âm hộ của cháu N. T biết mình phạm tội, sợ phải đi tù nên nói với cháu N là T sẽ đi Miền Nam, còn cháu N thích đi đâu thì đi; sau đó, T bắt xe bỏ trốn vào tỉnh Gia Lai. Đến ngày 22/6/2010, bà Hà Thị N1 (là mẹ ruột của T) bắt xe khách Mạnh Tân cho cháu N tự về nhà bà ngoại ở thành phố Thanh Hóa. Khi xuống thành phố Thanh Hóa, bà Lê Thị T1 (bà ngoại của N) và bà Lê Thị N2 (là em ruột bà T1) thấy quần áo của cháu N bẩn nên tắm cho cháu N thì phát hiện thấy ở đũng quần lót của N có máu, hai mông có vết xước, vết thâm bầm tím, ở cổ có vết xước kiểu móng tay, hai mắt có máu tụ. Bà T1 và bà N2 hỏi

thì cháu N nói là bị T xâm hại tình dục. Bà T1 gọi điện thoại cho chị Lang Thị X đang làm bên Trung Quốc về. Ngày 23/6/2010 chị Xá từ bên Trung Quốc trở về nhà, đến ngày 24/6/2010, chị X đưa cháu N đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Đến ngày 11/9/2024, khi Phạm Văn T đang lẩn trốn tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra cháu N ban đầu khai báo bị T hiếp dâm nhiều lần, xét thấy lời khai của cháu N và T có mâu thuẫn. Ngày 08/01/2025 Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa T với cháu N. Tại Biên bản đối chất cháu N khai báo bị T hiếp dâm 01 lần tại vườn mía, T đồng ý với lời khai của cháu N. Cháu N khai các bản khai trước cháu N khai bị hiếp dâm 02 lần là không đúng do thời điểm xảy ra sự việc đã lâu, lúc đó còn nhỏ, tâm lý không ổn định nên khai báo hai lần là chưa chính xác.

* Kiểm tra, xác định hiện trường:

- Hiện trường nơi xảy ra vụ án được xác định tại ngôi nhà của Phạm Văn T ở thị trấn N, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (trước kia xã X, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa).

- Kiểm tra, xác định hiện trường ngày 06/12/2014: Nhà của Phạm Văn T đã bị tháo dỡ hoàn toàn, chỉ còn khu đất trống. Quá trình kiểm tra, xác định hiện trường ghi nhận như sau: Vị trí số 1: Phần đất trống là nhà của T đã bị tháo dỡ. Vị trí số 2: Phần đất đang trồng mía, có kích thước 30m x 6,5m (xác định khu vực này là bãi mía phía sau nhà T, là vị trí T thực hiện hành vi hiếp dâm N vào tối ngày 20/6/2010).

* Ngày 24/6/2010 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định số 20/CATP ngày 24/6/2010 giám định thương tổn do quan hệ tình dục đối với cháu Phạm Thị N.

* Ngày 24/6/2010 Bệnh viện phụ sản tỉnh Thanh Hóa giám định kết luận:

- Trên cơ thể:

+ Vùng mặt có 02 vết xước dài 0,5cm ở 02 bên cánh mũi đang hình thành vảy sẹo; củng mạc mắt 02 bên (lòng trắng) bị xuất huyết tụ máu.

+ Vùng đùi phải bên ngoài có 02 vết xây xước bầm tím dài 10 đến 15cm, rộng 01cm.

+ Toàn bộ vùng lưng có nhiều vết xước ngang dọc đang hình thành vảy sẹo.

- Khám bộ phận sinh dục:

+ Âm hộ: Tầng sinh môn bị rách, vị trí rách ở 06 giờ, vết rách dài 2 x 1cm, vết rách mới đang chảy máu.

+ Màng trinh: Đã rách hoàn toàn, vết rách mới đang chảy máu.

+ Xét nghiệm dịch âm đạo: Hiện không tìm thấy tinh trùng trong mẫu xét

nghiệm.

* Tại Bản kết luận giám định khả năng tình dục nam số 15/KLKNTD - PYTH ngày 14/01/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tại thời điểm giám định, Phạm Văn T có đủ khả năng sinh lý làm cương cứng dương vật để quan hệ tình dục.

* Về dân sự: Chị Lang Thị N đề nghị Phạm Văn T bồi thường dân sự số tiền 50.000.000đ. Hiện tại Phạm Văn T chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT - VKS - P2 ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 4 Điều 112 của BLHS năm 1999. Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; của BLHS năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 15 đến 16 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường cho bị hại Lang Thị N số tiền 50.000.000đ.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Thông nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS vì bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Thông nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000đ và xem xét đưa ra mức án phù hợp đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo,

bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Khoảng 20 giờ đến 22 giờ ngày 20/6/2010; Phạm Văn T sau khi đi uống rượu về nhà thấy cháu Lang Thị N - sinh ngày 21/9/2010 (*khi này cháu N mới 08 tuổi 09 tháng*) là con riêng của chị Lang Thị X (là vợ T) đang nằm trên giường chuẩn bị đi ngủ. Phạm Văn T đã thực hiện hành vi hiếp dâm cháu N nhằm thoả mãn nhu cầu sinh lý cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội: “Hiếp dâm trẻ em”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 112 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo về tội: “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 của BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Phạm Văn T là người đã thành niên, có quan hệ cha dượng với bị hại, nhưng để thoả mãn nhu cầu sinh lý cá nhân, cùng với việc bị hại chưa đủ nhận thức về quan hệ tình dục và không thể tự vệ được, bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với bị hại. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, thể chất tinh thần và sự phát triển bình thường của trẻ em, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, thuần phong mỹ tục và nếp sống văn hoá, gây bức xúc trong dư luận, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường cho bị hại cháu Lang Thị N số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 112 của BLHS năm 1999. Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội: “Hiếp dâm trẻ em”.

* Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 15(*Mười lăm*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2024

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 584; Điều 592 của BLDS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường cho bị hại cháu Lang Thị N số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ án phí HSST và 2.500.000đ án phí DSST có giá ngạch.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P2);
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp;
- Người bảo vệ QLIHP cho bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

